

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:08/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27- 7-2018

V/v:Tranh chấp ly hôn, chia tài sản
chung và nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Tuyết

2. Ông Trần Minh Năng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung và nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim U, sinh năm 1965 (tên gọi khác là Bi). Có mặt

Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1963. Có mặt

Cùng địa chỉ cư trú: ấp 2, xã LH, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963.

Địa chỉ cư trú: khóm 1, phường 2, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2018 và cùng các lời khai trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Kim U trình bày: Giữa bà và ông Lê Minh T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1997 không có đăng ký kết hôn, có 01 con chung. Do cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu không chăm lo làm ăn, mỗi lần uống rượu về xảy ra cự cãi dẫn đến bất đồng quan điểm sống nên ông, bà không còn sống chung 04 năm nay. Bà U yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Lê Minh T.

- Con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 25/01/1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà U yêu cầu ông T chia cho bà được hưởng diện tích đất là 2000m² trong tổng diện tích đất 7217,3m², thửa số 77, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc ấp 2, xã LH, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Nay bà tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản nêu trên theo đơn xin rút lại một phần đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2018 và biên bản hòa giải ngày 11/6/2018 vì bà và ông T đã tự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Thời gian chung sống bà và ông T có nợ bà Nguyễn Thị C số tiền 50.000.000 đồng. Đối với phần nợ này bà U yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho bà C.

Bị đơn ông Lê Minh T trình bày: Về hôn nhân, ông thống nhất trình bày của bà U về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống thì ông và bà Trần Thị Kim U phát sinh mâu thuẫn và ly thân đã 04 năm nay, bà U đã ra sống riêng. Nay bà U yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn bà Trần Thị Kim U.

- Về con chung: Giữa ông và bà U có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 25/01/1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông và bà U có nợ bà C số tiền 50.000.000 đồng, ông thống nhất tự thỏa thuận nhận trả không yêu cầu bà U cùng trả cho bà C.

- Về tài sản chung: Ông thống nhất có diện đất 7217,3m², thửa số 77, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc ấp 2, xã LH, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Thị Kim U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Ông và bà U tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày: Hiện tại bà U và ông T còn nợ bà số tiền bà bằng 50.000.000 đồng. Đối với khoản nợ bà và ông T tự thỏa thuận trả hàng tháng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà U yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy đơn khởi kiện của bà Trần Thị Kim U có nội dung yêu cầu ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu của bà U là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn ông Lê Minh T có nơi cư trú ấp 2, xã LH, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trong quá trình giải quyết vụ án đã nộp bản tự khai ngày 11 tháng 6 năm 2018 yêu cầu xét xử vắng mặt. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[4] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim U và ông Lê Minh T đều trình bày thống nhất bà U và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 và không có đăng ký kết hôn. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: “ *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..*” và “ *Trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật này...*”. Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để không công nhận bà Trần Thị Kim U và ông Lê Minh T là quan hệ vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà U và ông T thống nhất có 01 con chung tên là Lê Minh T, sinh ngày 25/01/1999 đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Tại phiên tòa hôm nay bà U và ông T không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà U và ông T thống nhất xác định có tài sản chung diện tích đất 7217,3m², thửa số 77, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc ấp 2, xã LH, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Thị Kim U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Quá trình giải quyết ông T và bà U tự thỏa thuận được về tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà U rút lại yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản diện tích đất 7217,3m², thửa đất số 77, tờ bản đồ số 4 là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của bà U đã rút. Người rút yêu cầu khởi kiện không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[7] Về nợ chung: Quá trình chung sống bà Trần Thị Kim U và ông Lê Minh T thống nhất có nợ bà Nguyễn Thị C số tiền 50.000.000 đồng. Đối với khoản nợ này ông T tự nhận trả cho bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, ông Lê Minh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị C thì bà C được quyền khởi kiện đối với ông T theo thủ tục chung.

[8] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: “ *Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn...*”. Vì vậy, bà Trần Thị Kim U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Kim U và ông Lê Minh T.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của bà Trần Thị Kim U yêu cầu ông Lê Minh T chia diện tích đất 7217,3m², thửa đất số 77, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc ấp 2, xã LH, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Kim U phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.800.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017501 ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Bà Trần Thị Kim U được trả lại số tiền 2.500.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Trung